

Số: 37/QĐ-THCSHL

Hàm Liêm, ngày 17 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công chuyên môn lần 02, Học kì I, năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÀM LIÊM

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ vào quy mô trường, lớp, số lượng học sinh và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công chuyên môn đầu năm, năm học 2025 - 2026 cho 46 cán bộ, giáo viên, nhân viên (có bảng phân công kèm theo).

Điều 2. Bảng phân công chuyên môn này được áp dụng từ ngày 22/9/2025. Phân công phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trách nhiệm sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy đảm bảo đúng chương trình và các quy định hiện hành.

Điều 3. Lãnh đạo trường, tổ chuyên môn, các cá nhân, các bộ phận có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH (b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: CM, VT.



Lương Thanh Dũng

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN LẦN 02 HKI, NĂM HỌC 2025 - 2026

Khối 6: 5 lớp; Khối 7: 5 lớp; Khối 8: 5 lớp; Khối 9: 4 lớp.

Lần 02: Áp dụng từ tuần 3, ngày 22/9/2025

S T T	Họ và tên CB- GV -NV	Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ	Trình độ chuyên môn đào tạo		Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)	
							Môn 1	Môn 2							
1	Lương Thanh	Dũng	Nam	x	2006	DHSP	Địa	Sử	BTCB		Phụ trách chung + Địa Lí ĐP 7 ^{1.2.3.4.5/2}		2		
2	Nguyễn Thành	Đông	Nam	x	2004	DHSP	Toán	Tin	P.BTCB		Phụ trách chuyên môn +Tin 8 ^{4.5/2} +Tin 9 ^{1.2/2}		4		
3	Đặng Thị Thu	Hiền	Nữ	x	2003	DHSP	Anh				Phụ trách CSVC +Anh 9 ^{1/3}		3	-1	
4	Nguyễn Minh	Đôn	Nam	x	2005	DHSP	GDTC				GDTC 7 ^{4.5/4}		2		
Tổ Toán - Tin															
5	Lương Diễm	Ý	Nữ	x	2003	DHSP	Toán	Tin	TTCM	3	Toán 9 ^{1.2.3/12} + TC Toán 9 ^{1.2/4}		16	19	0
6	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ		1993	DHSP	Toán				Toán 9 ^{4/4} +Toán 6 ^{1.2.3/12} +TC Toán 9 ^{3.4/4}		20	20	1
7	Nguyễn Thị Kim	Tiến	Nữ		2001	DHSP	Toán	Tin			Toán 8 ^{1.4/8} +Toán 7 ^{1.2.5/12}		20	20	1
8	Nguyễn Văn	Lương	Nam	x	1994	CDSP	Toán				Toán 7 ^{3.4/8} +Toán 6 ^{4.5/8}		16	16	-3
9	Trần Thị	Ven	Nữ	x	1997	DHSP	Toán	Tin	CN 8 ²	4	HĐTNHN 8 ^{2/3} +Toán 8 ^{2.3.5/12}		15	19	0
10	Đào Quốc	Trọng	Nam	x	2009	DHSP	Tin		PT.CNNT, TPCM	4	Tin 6 ^{1.2.3/3} +Tin 8 ^{1.2.3/3} + Tin 9 ^{3.4/2} +GDTC 7 ^{1.2.3/6}		14	18	-1
Tổ KHTN- C. Nghệ															
11	Phạm Thanh	Là	Nam	x	1995	DHSP	Hóa	KTNN	CN 9 ³ , TTCM	7	HĐTNHN 9 ^{3/3} +KHTN(H) 9 ^{1.3.4/6} +KHTN(H) 7 ^{1/1}		10	17	-2
12	Huỳnh Thị	Hương	Nữ	x	1997	DHSP	Hóa	Lý	CN 9 ²	4	HĐTNHN 9 ^{2/3} +KHTN(H) 8 ^{1.2.3.4/8} +KHTN(H) 9 ^{2/2}		13	17	-2

S T T	Họ và tên CB- GV -NV	Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo		Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)	
						Môn 1	Môn 2							
13	Vân Thị Hiệp	GV	Nữ	x	2002	DHSP	Hóa	Sinh	CN 6 ⁵	4	HDNTNHN 6 ⁵ /3+KHTN(H) 8 ⁵ /2+KHTN(S) 6 ^{3,4,5} /6+KHTN(S) 8 ^{4,5} /2	13	17	-2
14	Mai Thị Lan	GV	Nữ	x	2004	DHSP	Sinh	KTNN				17	17	-2
15	Nguyễn Thị Minh Châu	TPCM	Nữ		1997	DHSP	Lý	KTCN	CN 8 ⁵ , TPCM	5	HDNTNHN 8 ⁵ /3+KHTN(L) 8 ^{1,5} /2 +CNgh khối 8/5+CNgh 6 ^{1,2,3} /3	13	18	-1
16	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	GV	Nữ	x	2002	DHSP	Lý	Tin	CN 8 ⁴	4	HDNTNHN 8 ⁴ /3+KHTN(L) 8 ^{2,3,4} /3+Tin 6 ^{4,5} /2+Tin 7 ^{1,2,3,4,5} /5	13	17	-2
17	Tống Thị Ái Liên	GV	Nữ	x	1999	DHSP	Lý	Hoá	CN 6 ³ , PCGD	8	HDNTNHN 6 ³ /3+KHTN(L) 6 ³ /1 +KHTN(H) 6 ^{1,2,3,4,5} /5	9	17	-2
18	Huỳnh Thị Thanh Dung	GV	Nữ	x	1999	DHSP	Lý	Hoá	CN 7 ⁴	4	HDNTNHN 7 ⁴ /3+KHTN(L) 9 ^{2,4} /2+KHTN(H) 7 ^{2,3,4,5} /4+ KHTN(L) 7 ^{1,2,3,4,5} /5	14	18	-1
19	Nguyễn Thị Thu Diễm	GV	Nữ		2004	DHSP	Lý	C.Ngh ê	CN 9 ¹	4	HDNTNHN 9 ¹ /3+KHTN(L) 9 ^{1,3} /2+KHTN(S) 6 ^{1,2} /4+KHTN(L) 6 ^{1,2,4,5} /4	13	17	-2
20	Lê Thị Ngân	GV	Nữ	x	2008	DHSP	KTGD	KTNN	CN 7 ⁵	4	HDNTNHN 7 ⁵ /3+CNgh 7 ^{1,2,3,4,5} /5 +CNgh 9 ^{1,2,3,4} /4+CNgh 6 ^{4,5} /2	14	18	-1
Tổ Anh - Năng khiếu														
21	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TTCM	Nữ	x	2002	DHSP	Anh		TTCM	3	Anh 9 ^{2,3,4} /9 + Anh 7 ^{1,2} /6	15	18	-1
22	Nguyễn Minh Tâm	GV	Nam		1987	CDSP	Anh				21	21	2	
23	Cù Thị Thu Thảo	GV	Nữ		2002	DHSP	Anh				18	18	-1	
24	Nguyễn Thị Kim Hòa	GV	Nữ		2003	CDSP	GDTC				18	18	-1	
25	Lê Thủy Đào Diễm Phúc	TPCM	Nữ	x	2004	DHSP	Nhạc	KTPV	TB.VT, TPCM	3	N.Thuật(N) khối 7/5+ N.Thuật(N) khối 9/4 + N.Thuật(MT) khối 9/4 +N.Thuật(MT) 8 ^{1,2,3} /3	16	19	0
26	Phạm Thị Diễm	GV	Nữ		2004	DHSP	Nhạc	MT			18.5	18.5	-0.5	
Tổ KHXH														

S T T	Họ và tên CB- GV -NV	Chức vụ	Giới tính	Đang viện	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo		Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)	
						Môn 1	Môn 2							
27	Nguyễn Ngọc Vy	TTCM	Nữ	x	2001	CESP	Văn	Sư	TTCM	3	Văn $9^{2,3,4}/12$ + Văn $7^5/4$	16	19	0
28	Ngô Thị Vinh	GV	Nữ	x	2004	DHSP	Văn				Văn $9^{1/4}$ + Văn $6^{1,2}/8$ + Văn DP $9^{1,2}/0,8$ + TC Văn $9^{1,2,3}/6$	18.8	18.8	-0.2
29	Nguyễn Thị Hạnh	GV	Nữ		2005	DHSP	Văn	Sư			Văn $8^{2,3,4,5}/16$ + Văn DP $9^{3,4}/0,8$ + TC Văn $9^4/2$	18.8	18.8	-0.2
30	Đào Thị Xuân	GV	Nữ		2003	DHSP	Văn	GDCD			Văn $6^{3,4,5}/12$ + Văn $8^{1/4}$ + Văn DP khối $6/2,5$	18.5	18.5	-0.5
31	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	GV	Nữ	x	2007	DHSP	Văn				Văn $7^{1,2,3,4}/16$ + Văn DP $8^{1,2,3,4,5}/2$	18	18	-1
32	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TPCM	Nữ	x	2015	DHSP	GDCD		CN 6^2 , TPCM	5	HDTNHN $6^2/3$ + GDCD khối $6/5$ + GDCD khối $9/4$ + GDCD DP $9^{1,2}/0,4$ + N.Thuật(MT) $7^5/1$	13.4	18.4	-0.6
33	Vũ Thị Thân	GV	Nữ	x	2004	DH GDCT	GDCD	Sư	CN 7^1	4	HDTNHN $7^{1/3}$ + GDCD khối $7/5$ + GDTC $6^{1,2}/4$ + GDCD DP $7^{1,2,3}/1,2$ + N.Thuật(MT) $7^{1,2}/2$	15.2	19.2	0.2
34	Huỳnh Thị Bạch Hiệp	GV	Nữ	x	2005	DH GDCT	GDCD	Sư	TVHS, CN 8^3	8	HDTNHN $8^3/3$ + GDCD khối $8/5$ + GDTC $6^4/2$ + GDCD DP $9^{3,4}/0,4$ + GDCD DP $7^{4,5}/0,8$	11.2	19.2	0.2
35	Nguyễn Thị Ngọc Lệ	TPCM	Nữ		2003	DHSP	Sư	Địa	CN 9^4 , TPCM	5	HDTNHN $9^4/3$ + LS&DL (LS) $9^{1,2,3,4}/4$ + LS&DL (DL) $7^{3,4,5}/6$ + L.Sư DP $8^{1,2,3}/0,9$	13.9	18.9	-0.1
36	Nguyễn Ngọc Thiên Kiều	GV	Nữ		2003	DHSP	Sư	GDCD	CN 8^1	4	HDTNHN $8^{1/3}$ + LS&DL (LS) $8^{1,2,3}/6$ + LS&DL (LS) $6^{1,2}/4$ + D.Lí DP $6^{1,2,3,4,5}/2,5$ HDTNHN $6^4/3$ + LS&DL (LS) $6^{3,4,5}/6$ + LS&DL (DL) $6^{3,4,5}/3$ + L.Sư DP $7^{1,2,3,4,5}/1$ + L.Sư DP $8^{4,5}/0,6$	15.5	19.5	0.5
37	Hà Thị Phúc Hiệp	GV	Nữ		2004	DHSP	Sư	GDCD	CN 6^4	4	HDTNHN $7^3/3$ + LS&DL (LS) $7^{1,2,3,4,5}/5$ + LS&DL (DL) $8^{1,2,3,4,5}/5$ + D.Lí DP $9^{1,2}/0,8$ + + N.Thuật(MT) $7^{3,4}/2$	13.6	17.6	-1.4
38	Phạm Thi Loan	GV	Nữ	x	2003	CBSP	Sư	Địa	CN 7^3	4		15.8	19.8	0.8

S T T	Họ và tên CB- GV -NV	Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo		Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
						Môn 1	Môn 2						
39	Lê Trần Phương	GV	Nữ		2004	DHSP	Sử GDCCD	CN 6 ¹	4	HĐTNHN 6 ¹ /3 + LS&DL (LS) 8 ^{4,5} /4 + LS&DL (DL) 6 ^{1,2} /2 + GDTC 6 ^{3,5} /4	13	17	-2
40	Đặng Thị Mai	GV	Nữ		2004	DHSP	Địa Sử	CN 7 ²	4	HĐTNHN 7 ² /3 + LS&DL (DL) 9 ^{1,2,3,4} /8 + LS&DL (DL) 7 ^{1,2} /4 + D.Lí ĐP 9 ^{3,4} /0,8	15.8	19.8	0.8
	Tổ Văn Phòng												
41	Huyền Thị Mỹ	TPVP	Nữ	x	2005		DH Kế toán						
42	Lưu Thị Mỹ	Thi	Nữ		2005		DH Kế toán						
43	Thái Khắc	Toàn	Nam		2006		TC Y sỹ						
44	Tống Thị Thanh	Trang	NV	Nữ	2004		DH KT Luật						
45	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	NV	Nữ	2004		TC Kế toán						
46	Lương Tấn	Thy	NV	Nam	2017		TC Du lịch						

NGƯỜI LẬP

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

Hàm Liêm, ngày 17 tháng 9 năm 2025

K.T. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Lương Thanh Dũng

THỜI KHÓA BIỂU SÁNG_KHỐI 6&8 (TIN HỌC, GDDP, GDTC)

Lần 02: Áp dụng từ tuần 03, ngày 22/9/2025

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵
Hai	1										
	2										
	3										
	4										
Ba	1						GDTC (Hòa)				
	2						GDTC (Hòa)				
	3							GDTC (Hòa)			
	4							GDTC (Hòa)			
Tur	1	GDTC (Thần)			Tin (Nguyệt)	GDDP ⁽²⁾			GDTC (Hòa)	GDDP	
	2	GDTC (Thần)			GDDP ⁽²⁾	Tin (Nguyệt)			GDTC (Hòa)	Tin (Đông)	GDDP
	3		GDTC (Thần)								Tin (Đông)
	4		GDTC (Thần)								
Năm	1			GDTC (Uyên)	GDTC (B.Hiệp)		Tin (Trọng)				
	2			GDTC (Uyên)	GDTC (B.Hiệp)		GDDP	Tin (Trọng)			
	3					GDTC (Uyên)		GDDP	Tin (Trọng)		
	4					GDTC (Uyên)			GDDP		
Sáu	1	GDDP ⁽¹⁾								GDTC (Hòa)	
	2	Tin (Trọng)	GDDP ⁽¹⁾							GDTC (Hòa)	
	3		Tin (Trọng)	GDDP ⁽¹⁾							GDTC (Hòa)
	4			Tin (Trọng)							GDTC (Hòa)

LƯU Ý:

*GDDP⁽¹⁾ Lớp 6^{1,2,3}:
-Từ tuần 01 đến tuần 09: Văn ĐP (X.Hạnh);
-Từ tuần 10 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Uyên).
*GDDP⁽²⁾ Lớp 6^{4,5}:
-Từ tuần 01 đến tuần 09: Văn ĐP (T.Hạnh);
-Từ tuần 10 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Uyên).
* GDDP 6 học phòng 3.

*GDDP Khối 8:
-Từ tuần 01 đến tuần 05: Lịch sử ĐP (Lệ)_Lớp 8^{1,2,3};
-Từ tuần 01 đến tuần 05: Lịch sử ĐP (P.Hiệp)_Lớp 8^{4,5};
-Từ tuần 06 đến tuần 10: Nhạc ĐP (Diễn)_Khối 8
-Từ tuần 11 đến tuần 18: Văn ĐP (N.Hạnh)_Lớp 8^{1,2,3,4,5}.
*GDDP 8^{1,2,3} học phòng 3; 8^{4,5} học phòng 4

Hàm Liêm, ngày 17 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU CHIỀU
Lần 02: Áp dụng từ tuần 03, ngày 22/9/2025

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵
Hai	1	LS&ĐL (Đ-Uyên)	N.Thuật (N-Diễn)	LS&ĐL (P-Hiệp)	GDCD (H.Hạnh)	Anh (Tâm)	C.Ngh (Châu)	KHTN (L-Nguyệt)	Toán (Vẹn)	GDCD (B.Hiệp)	KHTN (H-V.Hiệp)
	2	LS&ĐL (S-Kiều)	LS&ĐL (Đ-Uyên)	KHTN (H-Liên)	LS&ĐL (P-Hiệp)	KHTN (S-V.Hiệp)	Anh (Tâm)	GDCD (B.Hiệp)	Toán (Vẹn)	KHTN (L-Nguyệt)	N.Thuật (MT-Diễn)
	3	C.Ngh (Châu)	LS&ĐL (S-Kiều)	GDCD (H.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	KHTN (H-Liên)	Anh (Tâm)	Toán (Vẹn)	KHTN (L-Nguyệt)	N.Thuật (MT-Diễn)	LS&ĐL (S-Uyên)
	4	GDCD (H.Hạnh)	C.Ngh (Châu)	KHTN (S-V.Hiệp)	KHTN (H-Liên)	LS&ĐL (P-Hiệp)	GDCD (B.Hiệp)	Anh (Tâm)	LS&ĐL (S-Kiều)	LS&ĐL (S-Uyên)	Toán (Vẹn)
	5	Chào cờ									
Ba	1	KHTN (S-Diểm)	Văn (Thùy)	Văn (X.Hạnh)	Anh (Tâm)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	N.Thuật (N-Diễn)	Toán (Tiến)	KHTN (L-Châu)
	2	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (S-Diểm)	Anh (Tâm)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (L-Châu)	Văn (T.Hạnh)	KHTN (H-Hương)	Toán (Tiến)	Anh (C.Thảo)
	3	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	N.Thuật (N-Diễn)	LS&ĐL (P-Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Tiến)	Anh (Tâm)	Anh (C.Thảo)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)
	4	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (L-Diểm)	Toán (Tiến)	Anh (Tâm)	C.Ngh (Châu)	Anh (C.Thảo)	Văn (T.Hạnh)
	5	Văn (Thùy)	KHTN (L-Diểm)	Toán (Thảo)	Văn (X.Hạnh)	N.Thuật (N-Diễn)	Anh (Tâm)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	C.Ngh (Châu)
Tư	1	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	Anh (Tâm)	Toán (Lương)	C.Ngh (Ngân)	Văn (X.Hạnh)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (H-V.Hiệp)
	2	KHTN (L-Diểm)	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	C.Ngh (Ngân)	Anh (Tâm)	Văn (X.Hạnh)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	KHTN (H-Hương)	N.Thuật (N-Diễn)
	3	KHTN (S-Diểm)	Toán (Thảo)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	Anh (Tâm)	KHTN (S-Lan)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	KHTN (S-V.Hiệp)
	4	Văn (Thùy)	KHTN (S-Diểm)	Văn (X.Hạnh)	Anh (Tâm)	Toán (Lương)	KHTN (H-Hương)	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (S-Lan)	KHTN (S-V.Hiệp)	Anh (C.Thảo)
	5	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	KHTN (S-V.Hiệp)	KHTN (L-Diểm)	Toán (Lương)	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (S-Lan)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵
Năm	1	Toán (Thảo)	LS&ĐL (S-Kiều)	Anh (Tâm)	N.Thuật (MT-Diễn)	Văn (X.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Toán (Vẹn)	N.Thuật (MT-Phúc)	Toán (Tiến)	Văn (T.Hạnh)
	2	Toán (Thảo)	Anh (Tâm)	N.Thuật (MT-Diễn)	Toán (Lương)	Văn (X.Hạnh)	N.Thuật (MT-Phúc)	Toán (Vẹn)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Toán (Tiến)	Văn (T.Hạnh)
	3	Anh (Tâm)	Toán (Thảo)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	N.Thuật (MT-Diễn)	LS&ĐL (S-Kiều)	N.Thuật (MT-Phúc)	Văn (T.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Toán (Vẹn)
	4	Anh (Tâm)	N.Thuật (MT-Diễn)	Toán (Thảo)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	Toán (Tiến)	LS&ĐL (Đ-Loan)	LS&ĐL (S-Kiều)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Vẹn)
	5	N.Thuật (MT-Diễn)	Anh (Tâm)	Toán (Thảo)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	Toán (Tiến)	LS&ĐL (S-Kiều)	Toán (Vẹn)	Văn (T.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Loan)
Sáu	1	LS&ĐL (S-Kiều)	Anh (Tâm)	KHTN (L-Liên)	KHTN (S-V.Hiệp)	LS&ĐL (P-Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Vẹn)	Văn (T.Hạnh)	C.Ngh (Châu)	LS&ĐL (S-Uyên)
	2	KHTN (H-Liên)	GDCD (H.Hạnh)	C.Ngh (Châu)	Anh (Tâm)	KHTN (S-V.Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	LS&ĐL (S-Kiều)	GDCD (B.Hiệp)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Vẹn)
	3	Anh (Tâm)	KHTN (H-Liên)	LS&ĐL (P-Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	GDCD (H.Hạnh)	LS&ĐL (S-Kiều)	C.Ngh (Châu)	Toán (Vẹn)	LS&ĐL (S-Uyên)	GDCD (B.Hiệp)
	4	HĐTNHN (Uyên)	HĐTNHn (H.Hạnh)	HĐTNHN (Liên)	HĐTNHN (P.Hiệp)	HĐTNHN (V.Hiệp)	HĐTNHN (Kiều)	HĐTNHN (Vẹn)	HĐTNHN (B.Hiệp)	HĐTNHn (Nguyệt)	HĐTNHN (Châu)
	5	HĐTNHN (Uyên)	HĐTNHn (H.Hạnh)	HĐTNHN (Liên)	HĐTNHN (P.Hiệp)	HĐTNHN (V.Hiệp)	HĐTNHN (Kiều)	HĐTNHN (Vẹn)	HĐTNHN (B.Hiệp)	HĐTNHn (Nguyệt)	HĐTNHN (Châu)

Hàm Liêm, ngày 17 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU SÁNG
Lần 02: Áp dụng từ tuần 03, ngày 22/9/2025

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴	
Hai	1	<i>Chào cờ</i>									
	2	GDCD (Thản)	KHTN (L-Dung)	LS&ĐL (S-Loan)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Văn (Vy)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	KHTN (H-Huong)	KHTN (L-Diễm)	KHTN (H-Là)	
	3	KHTN (H-Là)	GDCD (Thản)	Văn (N.Hạnh)	LS&ĐL (S-Loan)	Văn (Vy)	KHTN (L-Diễm)	C.Ngh (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	KHTN (L-Dung)	
	4	Văn (N.Hạnh)	LS&ĐL (S-Loan)	GDCD (Thản)	C.Ngh (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Anh (Hiền)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	KHTN (H-Là)	Văn (Vy)	
	5	LS&ĐL (S-Loan)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Văn (N.Hạnh)	GDCD (Thản)	KHTN (H-Là)	KHTN (L-Dung)	C.Ngh (Ngân)	Văn (Vy)	
Ba	1	Toán (Tiến)	C.Ngh (Ngân)	Anh (C.Thảo)	Toán (Lương)	KHTN (L-Dung)	N.Thuật (N-Phúc)	Toán (Ý)	Anh (H.Hạnh)	KHTN (S-Lan)	
	2	Toán (Tiến)	KHTN (S-Lan)	KHTN (H-Dung)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	Anh (Hiền)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Ý)	N.Thuật (N-Phúc)	
	3	C.Ngh (Ngân)	Toán (Tiến)	Toán (Lương)	KHTN (H-Dung)	Anh (C.Thảo)	Anh (Hiền)	KHTN (S-Lan)	N.Thuật (N-Phúc)	Anh (H.Hạnh)	
	4	N.Thuật (N-Phúc)	Toán (Tiến)	C.Ngh (Ngân)	Anh (C.Thảo)	KHTN (H-Dung)	KHTN (S-Lan)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Ý)	Toán (Thảo)	
	5	Anh (H.Hạnh)	KHTN (H-Dung)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	C.Ngh (Ngân)	Toán (Ý)	N.Thuật (N-Phúc)	KHTN (S-Lan)	Toán (Thảo)	
Tư	1	Văn (N.Hạnh)	Anh (H.Hạnh)	N.Thuật (N-Phúc)	KHTN (S-Lan)	Toán (Tiến)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	LS&ĐL (S-Lệ)	
	2	Toán (Tiến)	Anh (H.Hạnh)	Văn (N.Hạnh)	N.Thuật (N-Phúc)	KHTN (S-Lan)	Văn (Thùy)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	
	3	KHTN (S-Lan)	Toán (Tiến)	Văn (N.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	N.Thuật (N-Phúc)	Văn (Thùy)	Anh (H.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	Văn (Vy)	
	4	Toán (Tiến)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	KHTN (S-Lan)	Văn (N.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	N.Thuật (MT-Phúc)	Anh (H.Hạnh)	
	5	LS&ĐL (Đ-Phuong)	KHTN (S-Lan)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Văn (N.Hạnh)	Toán (Tiến)	N.Thuật (MT-Phúc)	Văn (Vy)	Toán (Ý)	Anh (H.Hạnh)	

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴
Năm	1	Văn (N.Hạnh)	Toán (Tiến)	KHTN (S-Lan)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	GDCD (H.Hạnh)	Toán (Ý)	Anh (H.Hạnh)	N.Thuật (MT-Phúc)
	2	Văn (N.Hạnh)	N.Thuật (N-Phúc)	Anh (C.Thảo)	Toán (Lương)	Toán (Tiến)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	Anh (H.Hạnh)	GDCD (H.Hạnh)
	3	KHTN (S-Lan)	Anh (H.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	Văn (N.Hạnh)	Toán (Tiến)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	GDCD (H.Hạnh)	Toán (Thảo)
	4	Anh (H.Hạnh)	Văn (N.Hạnh)	Toán (Lương)	KHTN (S-Lan)	N.Thuật (MT-H.Hạnh)	Văn (Thùy)	N.Thuật (MT-Phúc)	Văn (Vy)	Toán (Thảo)
	5	Anh (H.Hạnh)	Văn (N.Hạnh)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	KHTN (S-Lan)	Văn (Thùy)	GDCD (H.Hạnh)	Toán (Ý)	Văn (Vy)
Sáu	1	LS&ĐL (Đ-Phuong)	N.Thuật (MT-Thân)	Văn (N.Hạnh)	KHTN (L-Dung)	LS&ĐL (S-Loan)	KHTN (H-Là)	LS&ĐL (S-Lệ)	Văn (Vy)	C.Ngh (Ngân)
	2	KHTN (L-Dung)	Văn (N.Hạnh)	N.Thuật (MT-Loan)	GDCD (Thản)	Văn (Vy)	C.Ngh (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	LS&ĐL (S-Lệ)	KHTN (H-Là)
	3	N.Thuật (MT-Thân)	Văn (N.Hạnh)	KHTN (L-Dung)	N.Thuật (MT-Loan)	Văn (Vy)	LS&ĐL (S-Lệ)	KHTN (H-Huong)	KHTN (H-Là)	LS&ĐL (Đ-Phuong)
	4	HĐTNHN (Thản)	HĐTNHN (Phuong)	HĐTNHN (Loan)	HĐTNHN (Dung)	HĐTNHN (Ngân)	HĐTNHN (Diễm)	HĐTNHN (Huong)	HĐTNHN (Là)	HĐTNHN (Lệ)
	5	HĐTNHN (Thản)	HĐTNHN (Phuong)	HĐTNHN (Loan)	HĐTNHN (Dung)	HĐTNHN (Ngân)	HĐTNHN (Diễm)	HĐTNHN (Huong)	HĐTNHN (Là)	HĐTNHN (Lệ)

Hàm Liêm, ngày 17 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU CHIỀU KHỐI 7&9 (TIN HỌC, GDDP, GDTC, TC TOÁN 9, TC VĂN 9)

Lần 02: Áp dụng tuần 03, ngày 22/9/2025 đến 27/9/2025

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴
Hai	2						TC Văn (Thùy)	TC Toán (Ý)	TC Toán (Thảo)	TC Văn (T.Hạnh)
	3						TC Văn (Thùy)	TC Toán (Ý)	TC Toán (Thảo)	TC Văn (T.Hạnh)
	4						TC Toán (Ý)		TC Văn (Thùy)	TC Toán (Thảo)
	5						TC Toán (Ý)		TC Văn (Thùy)	TC Toán (Thảo)
Ba	2	GDTC (Trọng)			Tin (Nguyệt)	GDDP ⁽²⁾			GDTC (Hòa)	
	3	GDTC (Trọng)			GDDP ⁽²⁾	Tin (Nguyệt)			GDTC (Hòa)	
	4		GDTC (Trọng)							GDTC (Hòa)
	5		GDTC (Trọng)							GDTC (Hòa)
Tư	2	Tin (Nguyệt)			GDTC (Đơn)		GDTC (Hòa)			
	3	GDDP ⁽¹⁾	Tin (Nguyệt)		GDTC (Đơn)		GDTC (Hòa)			
	4		GDDP ⁽¹⁾	Tin (Nguyệt)				GDTC (Hòa)		
	5			GDDP ⁽¹⁾				GDTC (Hòa)		
Năm	2			GDTC (Trọng)			Tin (Đông)	GDDP ⁽¹⁾		
	3			GDTC (Trọng)			GDDP ⁽¹⁾	Tin (Đông)		
	4					GDTC (Đơn)		TC Văn (Thùy)	Tin (Trọng)	GDDP ⁽²⁾
	5					GDTC (Đơn)		TC Văn (Thùy)	GDDP ⁽²⁾	Tin (Trọng)
Sáu	2									
	3									
	4									
	5									

LƯU Ý:

*GDDP⁽¹⁾ Lớp 7^{1,2,3}:

- Từ tuần 01 đến tuần 08: Địa lí ĐP (Dũng);
- Từ tuần 09 đến tuần 11: Lịch sử ĐP (P.Hiệp);
- Từ tuần 12 đến tuần 18: GDCD ĐP (Thần).

*GDDP⁽²⁾ Lớp 7^{4,5}:

- Từ tuần 01 đến tuần 08: Địa lí ĐP (Dũng);
- Từ tuần 09 đến tuần 11: Lịch sử ĐP (P.Hiệp);
- Từ tuần 12 đến tuần 18: GDCD ĐP (B.Hiệp).

*GDDP 7 học phòng 4.

*GDDP⁽¹⁾ Lớp 9^{1,2}:

- Từ tuần 01 đến tuần 03: GDCD ĐP (H.Hạnh);
- Từ tuần 04 đến tuần 10: Văn ĐP (Thùy);
- Từ tuần 11 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Loan).

*GDDP⁽²⁾ Lớp 9^{3,4}:

- Từ tuần 01 đến tuần 03: GDCD ĐP (B.Hiệp);
- Từ tuần 04 đến tuần 10: Văn ĐP (T.Hạnh);
- Từ tuần 11 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Phương).

*GDDP 9 học phòng 3.

*TC: 9¹_P.3; 9²_P.4; 9³_P.CN; 9⁴_P.KHTN 2

Hàm Liêm, ngày 17 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông